

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2015



Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 55

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty", "BVSC") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập số 4640/GP-UB do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 10 năm 1999 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh số 01/GPHĐKD ngày 26 tháng 11 năm 1999 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp với mức vốn điều lệ ban đầu là 43.000.000.000 đồng Việt Nam.

Ngày 13 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) theo Quyết định số 51/QĐ-TTGDHN ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 33/2006-GCNCP-TTLK ngày 13 tháng 12 năm 2006 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Ngày 10 tháng 12 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Quyết định số 288/UBCK-GP điều chỉnh Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 01/GPHĐKD với mức vốn điều lệ mới là 722.339.370.000 đồng Việt Nam.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư doanh và bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt, số 8, Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội và chi nhánh tại Tòa nhà Tập đoàn Bảo Việt – số 233 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Ngày 15 tháng 04 năm 2015, Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015. Đại hội đã thông qua Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 và kế hoạch kinh doanh năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm</i>
Ông Phan Kim Bằng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015
Ông Lê Văn Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 04 năm 2010 Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015
Ông Nhữ Đình Hòa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 04 năm 2010 Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015
Ông Bùi Tuấn Trung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015
Ông Trịnh Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2015
Ông Phạm Ngọc Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2015
Ông Nguyễn Đức Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015
Ông Lê Hải Phong	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 04 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015
Ông Trương Ngọc Lân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Xuân Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015
Ông Hoàng Giang Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015
Ông Phạm Trung Thành	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 04 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015
Bà Trần Thị Bích	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 04 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015
Bà Lương Thị Bích Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 04 năm 2010 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 04 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng giám đốc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Nhữ Đình Hòa	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 03 năm 2011 Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 07 năm 2010 Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 07 năm 2013
Ông Võ Hữu Tuấn	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2011 Tái bổ nhiệm ngày 05 tháng 05 năm 2014

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và tại ngày lập báo cáo này là Ông Nhữ Đình Hòa - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Số tham chiếu: 60780870/17880238

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 03 năm 2016 và được trình bày từ trang 06 đến trang 55 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn về kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính của Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn về kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Samán Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2036-2013-004-1



Trinh Hoàng Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN Kiểm toán: 2071-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.829.345.297.544	1.688.384.894.252
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	764.643.744.732	710.556.071.690
111	1. Tiền		447.893.744.732	590.556.071.690
112	2. Các khoản tương đương tiền		316.750.000.000	120.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	6	311.257.065.372	333.493.737.668
121	1. Đầu tư ngắn hạn		396.264.219.872	439.526.190.838
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(85.007.154.500)	(106.032.453.170)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	751.914.288.495	640.156.122.654
131	1. Phải thu của khách hàng		2.456.575.334	1.656.043.393
132	2. Trả trước cho người bán		9.413.140.391	8.057.109.350
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		731.743.484.438	622.405.195.723
138	4. Các khoản phải thu khác		28.675.676.048	25.731.861.904
139	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(20.374.587.716)	(17.694.087.716)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.530.198.945	4.178.962.240
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.205.498.945	443.797.688
154	2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	3.273.243.302
158	3. Tài sản ngắn hạn khác		324.700.000	461.921.250
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		278.945.810.323	195.349.776.913
220	I. Tài sản cố định		2.947.129.741	4.129.826.072
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	2.836.465.169	3.582.425.520
222	Nguyên giá		27.402.412.859	26.458.374.097
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(24.565.947.690)	(22.875.948.577)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	110.664.572	547.400.552
228	Nguyên giá		10.470.716.440	10.470.716.440
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(10.360.051.868)	(9.923.315.888)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	6	246.122.155.851	168.849.067.949
253	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn		287.614.223.000	207.958.223.000
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		237.736.573.000	158.080.573.000
255	Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		49.877.650.000	49.877.650.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(41.492.067.149)	(39.109.155.051)
260	III. Tài sản dài hạn khác		29.876.524.731	22.370.882.892
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	7.765.245.937	2.337.139.730
263	2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	21.181.760.379	19.453.261.222
268	3. Tài sản dài hạn khác		929.518.415	580.481.940
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.108.291.107.867	1.883.734.671.165

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		657.551.227.173	542.528.749.298
310	I. Nợ ngắn hạn		657.551.227.173	542.528.749.298
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	29.150.839.917	-
312	2. Phải trả người bán	13	3.458.445.466	3.277.140.573
313	3. Người mua trả tiền trước		2.165.200.000	2.029.550.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22.1	4.197.669.597	3.803.212.512
315	5. Phải trả người lao động		32.511.526.691	33.469.130.382
316	6. Chi phí phải trả		1.251.727.954	657.058.746
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	17	2.209.850.922	2.317.175.056
320	8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	440.135.301.795	484.275.768.805
321	9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		8.271.852.548	8.012.252.948
322	10. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	15	14.103.367.895	2.934.834.075
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.553.578.461	1.752.626.201
327	12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	16	115.541.865.927	-
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.450.739.880.694	1.341.205.921.867
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.450.739.880.694	1.341.205.921.867
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.1	722.339.370.000	722.339.370.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720
414	3. Cổ phiếu quỹ		(228.000.000)	(228.000.000)
417	4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	18.3	18.808.728.387	14.322.179.098
418	5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	18.3	18.808.728.387	14.322.179.098
420	6. Lãi/(Lỗ) lũy kế		80.757.887.200	(19.802.973.049)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.108.291.107.867	1.883.734.671.165

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014
002	1. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		-	-
004	2. Nợ khó đòi đã xử lý		390.400.000	390.400.000
006	3. Chứng khoán lưu ký		22.690.947.900.000	18.362.544.870.000
	Trong đó:			
007	3.1. Chứng khoán giao dịch		22.308.452.160.000	17.996.296.160.000
008	3.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký		129.691.760.000	204.398.270.000
009	3.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước		22.018.929.560.000	17.658.800.790.000
010	3.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài		159.830.840.000	133.097.100.000
012	3.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		161.864.080.000	168.165.320.000
013	3.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký		152.000.000	152.000.000
014	3.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước		161.621.580.000	167.922.820.000
015	3.2.3. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài		90.500.000	90.500.000
017	3.3. Chứng khoán cầm cố		220.631.660.000	198.083.390.000
019	3.3.1. Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước		220.631.660.000	198.083.390.000
082	4. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng		1.587.112.700.000	2.032.524.010.000
083	5. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		264.477.750.000	258.559.370.000



Bà Vũ Thị Thùy Linh
Phó phòng Tài chính Kế toán



Bà Nguyễn Hồng Thủy
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Ông Như Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
01	1. Doanh thu	19	287.179.455.911	305.343.799.112
	<i>Trong đó:</i>			
01.1	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		84.023.709.261	108.679.704.730
01.2	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		53.216.596.270	61.025.574.026
01.4	- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		1.028.025.755	77.928.484
01.5	- Doanh thu hoạt động tư vấn		9.490.733.596	5.537.945.455
01.6	- Doanh thu lưu ký chứng khoán		3.694.319.217	3.278.191.104
01.7	- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá		30.810.299	61.934.215
01.9	- Doanh thu khác		135.695.261.513	126.682.521.098
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		287.179.455.911	305.343.799.112
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	20	(105.850.755.492)	(114.437.159.224)
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		181.328.700.419	190.906.639.888
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(61.011.117.967)	(59.098.117.385)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		120.317.582.452	131.808.522.503
31	8. Thu nhập khác		435.363.636	476.511.125
32	9. Chi phí khác		(428.322.069)	(642.809.576)
40	10. Lợi nhuận/(lỗ) khác		7.041.567	(166.298.451)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		120.324.624.019	131.642.224.052
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.2	(4.219.443.989)	-
60	13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		116.105.180.030	131.642.224.052
70	14. Lãi trên cổ phiếu			
	- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	1.608	1.732

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thùy
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
01	Tiền thu từ hoạt động kinh doanh		29.039.629.313.983	31.017.385.660.046
02	Tiền chi hoạt động kinh doanh		(28.563.244.420.451)	(30.168.985.255.677)
05	Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		(546.738.778)	(748.348.719)
06	Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng		67.685.427.357.900	79.257.507.466.149
07	Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng		(67.959.418.692.597)	(80.195.304.598.904)
08	Tiền thu bán chứng khoán phát hành		1.831.669.414.954	1.356.815.698.116
09	Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán		(1.864.758.104.346)	(1.383.606.892.116)
10	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(34.907.156.333)	(11.741.080.868)
11	Tiền chi trả cho người lao động		(79.775.974.058)	(69.427.787.885)
12	Tiền chi trả lãi vay		(389.680.674)	(196.675.497)
13	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-
14	Tiền thu khác		292.293.829.763	73.252.310.266
15	Tiền chi khác		(295.621.369.158)	(118.735.643.124)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh chứng khoán		50.357.780.205	(243.785.148.213)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.706.563.909)	(864.229.909)
22	Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		435.363.636	-
23	Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(352.645.550.000)	(260.856.474.850)
24	Tiền thu hồi bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		345.145.550.000	583.000.404.448
25	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác		(80.000.000.000)	(1.147.076.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		64.350.253.193	99.290.221.957
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(25.420.947.080)	419.422.845.646

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		1.766.935.861.230	487.762.343.265
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.737.785.021.313)	(487.762.343.265)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		29.150.839.917	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		54.087.673.042	175.637.697.433
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		710.556.071.690	534.918.374.257
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	764.643.744.732	710.556.071.690



Bà Vũ Thị Thùy Linh
Phó phòng Tài chính Kế toán



Bà Nguyễn Hồng Thủy
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Ông Như Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối năm	
		Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015	Năm 2014		Năm 2015		Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.1	722.339.370.000	722.339.370.000	-	-	-	-	722.339.370.000	722.339.370.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		610.253.166.720	610.253.166.720	-	-	-	-	610.253.166.720	610.253.166.720
3. Cổ phiếu quỹ		(228.000.000)	(228.000.000)	-	-	-	-	(228.000.000)	(228.000.000)
4. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	18.3	14.322.179.098	14.322.179.098	-	-	4.486.549.289	-	14.322.179.098	18.808.728.387
5. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	18.3	14.322.179.098	14.322.179.098	-	-	4.486.549.289	-	14.322.179.098	18.808.728.387
6. Lợi nhuận chưa phân phối (Lỗ lũy kế)		(148.954.989.551)	(19.802.973.049)	131.642.224.052	(2.490.207.550)	116.116.070.030	(15.555.209.781)	(19.802.973.049)	80.757.887.200
TỔNG CỘNG		1.212.053.905.365	1.341.205.921.867	131.642.224.052	(2.490.207.550)	125.089.168.608	(15.555.209.781)	1.341.205.921.867	1.450.739.880.694

Bà Vũ Thị Thùy Linh
Phó phòng Tài chính Kế toán

Bà Nguyễn Hồng Thùy
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Ông Nhữ Đình Hòa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 03 năm 2016